

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 10-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Thị Kiên

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 311/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Mai T, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Đường số 53 ĐBP, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Ngô Văn Hùng D, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Số 12, đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Mai T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T, anh D tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh (nay là phường Ninh Sơn thành phố Tây Ninh) tỉnh Tây Ninh. Anh, chị sống không hợp nhau về tính tình, thường xuyên cãi nhau và anh D hay đánh chị T nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nhận thấy không còn tình cảm nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Huỳnh H, sinh năm 2007 và Ngô Minh K, sinh năm 2010. Hiện con chung đang sống với ông bà nội. Chị T đồng ý giao con chung cho anh D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2018, bị đơn anh Ngô Văn Hùng D trình bày:*

Anh D và chị T chung sống như vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS, thị xã TN (nay là phường NS, thành phố TN), tỉnh TN. Giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng nếu chị T xin ly hôn thì anh D cũng đồng ý.

Về con chung: Anh D xác nhận có 02 con chung tên Ngô Huỳnh H, sinh năm 2007 và Ngô Minh K, sinh năm 2010. Hiện con chung đang sống với ông bà nội, anh xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Anh D, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh D, chị T thống nhất được việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh D, chị T, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Mai T và anh Ngô Văn Hùng D thuận tình ly hôn.

Về con chung: **Giao** 02 con chung tên Ngô Huỳnh H, sinh năm 2007 và Ngô Minh K, sinh năm 2010 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị T chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Huỳnh Mai T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn Hùng D, anh D có nơi cư trú tại địa chỉ số 12, đường BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh D chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS, thị xã TN (nay là phường NS, thành phố TN), tỉnh TN vào năm 2007, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không hợp nhau về tính tình. Chị T cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn nhưng anh cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị T, anh D thống nhất giao 02 con chung tên Ngô Huỳnh H, sinh năm 2007 và Ngô Minh K, sinh năm 2010 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được (có sự đồng ý của các con). Ghi nhận anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phù hợp sự thỏa thuận của anh D, chị T, với nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Mai T và anh Ngô Văn Hùng D thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị T, anh D thống nhất giao 02 con chung tên Ngô Huỳnh H, sinh năm 2007 và Ngô Minh K, sinh năm 2010 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được (có sự đồng ý của các con). Ghi nhận anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005543 ngày 30/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- TSND Tỉnh TN
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung